

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN
KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
KHÓA NGÀY 03/6/2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

6. Trường THPT Cách Linh
Số lượng trúng tuyển: 88 trong đó
a) Diện tuyển thẳng

TT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Đối tượng trúng tuyển	Ghi chú
1	NÔNG THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	Nùng	01/01/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Quảng Uyên	Học sinh trường PTDTNT	
2	ĐÀM THỊ KIM HUỆ	Nữ	Nùng	19/05/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Phục Hòa	Học sinh trường PTDTNT	
3	PHÙNG MINH KHÔI	Nam	Nùng	31/05/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Phục Hòa	Học sinh trường PTDTNT	
4	HOÀNG THỊ LỆ	Nữ	Nùng	04/01/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Phục Hòa	Học sinh trường PTDTNT	
5	THẠCH ĐỨC LUẬN	Nam	Nùng	04/03/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Quảng Uyên	Học sinh trường PTDTNT	
6	ĐÀM THỊ LUYẾN	Nữ	Tày	20/06/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Phục Hòa	Học sinh trường PTDTNT	
7	CHU ĐỨC MẠNH	Nam	Tày	14/01/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Phục Hòa	Học sinh trường PTDTNT	
8	LÂM BẢO NGỌC	Nữ	Nùng	13/09/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Phục Hòa	Học sinh trường PTDTNT	
9	PHÙNG THỊ THANH THẢO	Nữ	Nùng	19/10/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Phục Hòa	Học sinh trường PTDTNT	
10	BẾ VÂN TRÀ	Nữ	Tày	05/06/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Phục Hòa	Học sinh trường PTDTNT	
11	CHU THỊ HƯƠNG TRÀ	Nữ	Tày	26/08/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Phục Hòa	Học sinh trường PTDTNT	
12	PHÙNG TUẤN TÚ	Nam	Nùng	19/01/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Phục Hòa	Học sinh trường PTDTNT	
13	ĐÀM THỊ THẢO UYÊN	Nữ	Nùng	23/01/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Phục Hòa	Học sinh trường PTDTNT	

Danh sách gồm 13 học sinh./.

b) Duyệt kết quả thi tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	06.057	MÔNG LỆ QUYÊN	Nữ	Nùng	29/04/2010	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	1.50	6.75	7.50	4.00	19.75	Đạt giải ba cấp tỉnh quy mô quốc gia
2	06.064	NÔNG QUỐC TOẢN	Nam	Nùng	08/02/2010	Cao Bằng	TH và THCS Hồng Đại	1.00	7.50	6.75	4.00	19.25	
3	06.078	TRIỆU THỊ TƯỜNG VY	Nữ	Nùng	19/12/2010	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	2.50	5.00	8.00	2.75	18.25	Đạt giải nhất cấp tỉnh quy mô quốc gia
4	06.008	NÔNG THÙY CHI	Nữ	Nùng	05/06/2010	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	1.00	7.00	6.50	3.50	18.00	
5	06.070	NGỌC THẢO UYÊN	Nữ	Nùng	06/11/2010	Cao Bằng	TH và THCS Hồng Đại	1.00	5.75	7.50	3.50	17.75	
6	06.005	ĐINH THỊ HOÀI CHI	Nữ	Nùng	20/05/2010	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	1.00	5.75	6.75	4.00	17.50	
7	06.018	ĐÀM THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	Nùng	14/09/2010	Cao Bằng	TH và THCS Hồng Đại	1.00	6.25	6.25	3.75	17.25	
8	06.045	ĐOÀN THỊ BẢO NGỌC	Nữ	Tày	28/01/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	5.25	7.75	2.75	16.75	
9	06.047	NÔNG THẾ NGỌC	Nam	Nùng	03/03/2010	Cao Bằng	TH và THCS Bế Văn Đàn	1.00	5.00	6.00	4.50	16.50	
10	06.002	ĐÀM THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	Nùng	28/03/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	5.50	6.00	3.50	16.00	
11	06.021	ĐÀM THỊ THU HOÀI	Nữ	Nùng	11/01/2010	Cao Bằng	TH và THCS Hồng Đại	1.00	5.25	5.50	4.00	15.75	
12	06.020	THẠCH QUỐC HIỆU	Nam	Nùng	22/09/2010	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	1.00	6.25	5.00	3.50	15.75	
13	06.011	ĐÀM THỊ BÍCH DIỆP	Nữ	Nùng	09/08/2010	Cao Bằng	TH và THCS Bế Văn Đàn	1.00	5.75	5.75	3.00	15.50	
14	06.017	LƯƠNG PHAN HÂN	Nữ	Nùng	05/05/2010	Cao Bằng	THCS Hạnh Phúc	1.00	5.75	5.00	3.75	15.50	
15	06.025	NÔNG VIỆT HÙNG	Nam	Nùng	09/10/2010	Cao Bằng	TH và THCS Bế Văn Đàn	1.00	4.25	6.25	3.75	15.25	
16	06.028	NÔNG ĐỨC HUY	Nam	Nùng	07/10/2010	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	1.00	4.75	6.25	3.25	15.25	
17	06.071	HÀ QUANG VINH	Nam	Nùng	29/10/2010	Cao Bằng	TH và THCS Hồng Đại	1.00	3.50	7.00	3.75	15.25	
18	06.027	MÔNG KHÁNH HUY	Nam	Nùng	02/11/2010	Cao Bằng	TH và THCS Bế Văn Đàn	1.00	4.50	6.00	3.50	15.00	
19	22.385	HOÀNG THỊ KIỀU LY	Nữ	Nùng	28/11/2010	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	1.00	4.00	7.25	2.75	15.00	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
20	06.059	CHU THỊ MINH THU'	Nữ	Nùng	14/06/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	5.00	6.00	3.00	15.00	
21	06.067	LÝ QUỐC TRUNG	Nam	Nùng	09/08/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	3.50	7.75	2.75	15.00	
22	06.033	MA TRUNG KIÊN	Nam	Nùng	19/10/2010	Cao Bằng	TH và THCS Bế Văn Đàn	1.00	4.25	6.00	3.50	14.75	
23	06.006	HOÀNG THỊ KIM CHI	Nữ	Nùng	30/09/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	5.00	6.00	2.75	14.75	
24	06.029	TRƯỜNG QUỐC HUY	Nam	Nùng	26/06/2010	Cao Bằng	TH và THCS Hồng Đại	1.00	4.75	5.75	3.25	14.75	
25	06.058	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	Nam	Nùng	01/01/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	5.00	5.75	3.00	14.75	
26	06.013	TRIỆU VĂN DU	Nam	Nùng	10/12/2010	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	1.00	5.50	5.25	3.00	14.75	
27	06.072	ĐINH VĂN VƯƠNG	Nam	Tày	29/12/2010	Cao Bằng	TH và THCS Hồng Đại	1.00	4.25	5.50	3.75	14.50	
28	06.074	THẠCH HÙNG VƯƠNG	Nam	Nùng	09/07/2010	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	1.00	3.00	7.00	3.50	14.50	
29	06.039	PHAN THỦY NGỌC LINH	Nữ	Nùng	14/10/2010	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	1.00	4.50	5.75	3.25	14.50	
30	06.068	ĐÀM NGỌC TƯƠI	Nữ	Nùng	12/11/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	4.25	6.50	2.50	14.25	
31	06.007	NGUYỄN THỊ LINH CHI	Nữ	Kinh	22/10/2009	Lâm Đồng	THCS Đam Pao		6.00	5.50	2.75	14.25	
32	06.042	BẾ VĂN LỰC	Nam	Nùng	28/11/2010	Cao Bằng	TH và THCS Hồng Đại	1.00	4.25	5.50	3.50	14.25	
33	06.055	NGÔ MAI PHƯƠNG	Nữ	Nùng	12/06/2010	Thành phố Hồ Chí Minh	THCS Cách Linh	1.00	3.75	7.00	2.25	14.00	
34	06.038	ĐOÀN HÀ LINH	Nữ	Tày	12/11/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	4.50	5.75	2.75	14.00	
35	06.035	LONG THỊ HỒNG LÊ	Nữ	Nùng	27/07/2010	Cao Bằng	THCS Hồng Đại	1.00	4.25	5.50	3.00	13.75	
36	06.040	ĐÀM TRỌNG LUÂN	Nam	Nùng	26/11/2010	Cao Bằng	TH và THCS Hồng Đại	1.00	4.25	6.00	2.50	13.75	
37	06.030	BẾ AN KHANH	Nam	Nùng	29/05/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	4.00	5.25	3.50	13.75	
38	06.060	LƯƠNG ANH THU'	Nữ	Nùng	03/12/2010	Cao Bằng	TH và THCS Bế Văn Đàn	1.00	4.00	5.50	3.00	13.50	
39	06.003	ĐINH GIA BẢO	Nam	Nùng	01/12/2010	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	1.00	4.25	4.75	3.25	13.25	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
40	06.037	MÔNG MỸ LỆ	Nữ	Nùng	15/05/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	4.00	5.25	3.00	13.25	
41	06.065	BẾ THANH TRÚC	Nữ	Tày	02/01/2010	Cao Bằng	TH và THCS Bế Văn Đàn	1.00	3.75	5.75	2.50	13.00	
42	06.016	TRIỆU MINH GIÁP	Nam	Nùng	24/10/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	5.00	4.00	3.00	13.00	
43	06.012	MÔNG THỊ BÍCH DIỆP	Nữ	Nùng	27/01/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	5.25	3.75	2.75	12.75	
44	06.063	NÔNG VĂN THỤY	Nam	Nùng	26/05/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	4.00	4.25	3.50	12.75	
45	06.019	BẾ TRUNG HIẾU	Nam	Tày	24/03/2010	Cao Bằng	TH và THCS Bế Văn Đàn	1.00	4.50	4.00	3.00	12.50	
46	06.026	ĐÀM THÚY HƯỜNG	Nữ	Nùng	31/03/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	3.25	6.25	2.00	12.50	
47	06.004	VƯƠNG GIA BẢO	Nam	Nùng	18/09/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	3.75	5.50	2.25	12.50	
48	06.014	MÔNG HỒNG ĐIỆP	Nam	Nùng	12/06/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	4.50	4.25	2.50	12.25	
49	06.073	NÔNG QUỐC VƯƠNG	Nam	Tày	09/03/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	4.00	4.00	3.25	12.25	
50	06.001	HOÀNG KỲ ANH	Nam	Nùng	16/09/2009	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	5.50	2.50	3.25	12.25	
51	06.043	PHAN LY LY	Nữ	Nùng	17/02/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	3.50	4.25	3.25	12.00	
52	06.076	LỤC THẢO VY	Nữ	Nùng	24/12/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	2.50	5.50	3.00	12.00	
53	06.041	HOÀNG MINH LUÂN	Nam	Nùng	29/09/2010	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	1.00	3.75	5.00	2.25	12.00	
54	06.009	BÙI HỮU CHIẾN	Nam	Nùng	11/04/2010	Cao Bằng	TH và THCS Hồng Đại	1.00	3.00	4.50	3.25	11.75	
55	06.034	LÔ BÍCH LAN	Nữ	Nùng	10/11/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	4.00	3.75	3.00	11.75	
56	06.053	ĐÀM THỊ OANH	Nữ	Nùng	02/03/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	2.75	6.00	1.75	11.50	
57	06.069	THẠCH THỊ BẠCH TUYẾT	Nữ	Nùng	29/03/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	3.50	4.50	2.50	11.50	
58	06.044	MÔNG THỊ TRÀ MY	Nữ	Nùng	19/09/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	4.00	3.00	3.25	11.25	
59	06.023	HOÀNG VIỆT HỒNG	Nam	Nùng	06/09/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	5.00	2.75	2.50	11.25	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
60	06.066	ĐÀM QUANG TRUNG	Nam	Nùng	17/08/2010	Cao Bằng	TH và THCS Hồng Đại	1.00	3.00	5.25	1.75	11.00	
61	06.075	LÂM THẢO VY	Nữ	Nùng	02/08/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	3.50	4.00	2.50	11.00	
62	06.048	ĐẶNG TRUNG NGUYỄN	Nam	Nùng	07/02/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	4.00	2.50	3.25	10.75	
63	06.036	BẾ NHẬT LỆ	Nữ	Nùng	09/12/2010	Cao Bằng	TH và THCS Bế Văn Đàn	1.00	2.75	3.25	3.50	10.50	
64	06.022	NÔNG KHÁNH HOÀNG	Nam	Nùng	17/12/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	5.25	1.25	2.75	10.25	
65	06.077	LƯƠNG TƯỜNG VY	Nữ	Nùng	18/08/2010	Cao Bằng	TH và THCS Bế Văn Đàn	1.00	2.00	4.25	2.75	10.00	
66	06.050	LÔ LINH NHI	Nữ	Nùng	28/10/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	3.50	2.25	3.00	9.75	
67	06.049	LONG QUỐC NHẬT	Nam	Nùng	30/08/2010	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	1.00	2.25	4.25	2.25	9.75	
68	06.031	ĐÀM THẠCH QUỐC KHÁNH	Nam	Nùng	02/09/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	2.75	4.25	1.75	9.75	
69	06.046	MÔNG THỊ NGỌC	Nữ	Nùng	22/04/2010	Cao Bằng	TH và THCS Bế Văn Đàn	1.00	3.50	2.50	2.50	9.50	
70	06.024	NÔNG QUỐC HUÂN	Nam	Nùng	26/10/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	1.75	2.50	3.75	9.00	
71	06.051	NÔNG YẾN NHI	Nữ	Nùng	18/08/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	3.50	2.00	2.25	8.75	
72	06.054	MÔNG KIỀU OANH	Nữ	Nùng	12/09/2010	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	3.25	2.75	1.75	8.75	
73	06.056	LƯƠNG NÔNG QUÂN	Nam	Nùng	15/01/2010	Cao Bằng	TH và THCS Hồng Đại	1.00	1.00	3.75	3.00	8.75	
74	06.079	HOÀNG THỊ HẢI YẾN	Nữ	Nùng	28/12/2010	Cao Bằng	TH và THCS Bế Văn Đàn	1.00	1.25	4.00	2.25	8.50	
75	06.052	ĐÀM THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	Nùng	20/11/2010	Tuyên Quang	THCS Cách Linh	1.00	1.75	3.50	2.00	8.25	Điểm TBM lớp 9: 6.61

Danh sách gồm 75 học sinh./.